

**CÔNG TY TNHH XÚC TIẾN VIỆC LÀM VŨ PHƯỚC HÒA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÚC TIẾN VIỆC LÀM VŨ PHƯỚC HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502397844

**3. Ngày thành lập:** 13/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu Phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2511        |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2592        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4211        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4222        |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4299        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710        |
| 15. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0810        |
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7730        |
| 17. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 18. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7810(Chính) |
| 19. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7820        |
| 20. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7830        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ PHƯỚC HÒA**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *273061987*

Ngày cấp: *29/01/2013*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu Phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu Phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 13/06/2019 đến ngày 13/07/2019

\* Họ và tên: **VŨ PHƯỚC HÒA**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **1980**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **273061987**

Ngày cấp: **29/01/2013**

Nơi cấp: **Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Khu Phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **Khu Phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**